

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2176/QĐ-BKHHCN

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

**BỘ TRƯỞNG**  
**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Chánh Văn phòng Bộ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 8 năm 2020.

Bãi bỏ 06 thủ tục hành chính cấp Trung ương: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật sản xuất, chế biến khí dầu mỏ hóa lỏng; Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật sản xuất, chế biến khí dầu mỏ hóa lỏng; Thủ tục cấp Giấy xác nhận chất lượng sản phẩm khí dầu mỏ hóa lỏng sản xuất lần đầu đã được công bố tại Quyết định số 4098/QĐ-BKHHCN ngày 31

tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cơ sở pha chế khí; Thủ tục cấp điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cơ sở pha chế khí; Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cơ sở pha chế khí tại Quyết định số 3987/QĐ-BKHHCN ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 3.** Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Trung tâm Công nghệ Thông tin (để cập nhật);
- Lưu: VT, VP, TĐC.



**Lê Xuân Định**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/ BỊ BÃI BỎ TRONG  
LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC PHẠM VI  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2176/QĐ-BKHHCN  
ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>					
<b>B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>					
1.	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN <sup>1</sup>	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
2.	1.000449	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>					
1.	2.000929	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật sản xuất, chế biến khí dầu mỏ hóa lỏng	Thông tư số 20/2019/TT-BKHHCN <sup>2</sup>	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

<sup>1</sup> Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

<sup>2</sup> Thông tư số 20/2019/TT-BKHHCN ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh khí và hoạt động công bố cơ sở pha chế khí tại Việt Nam.

2.	1.002107	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật sản xuất, chế biến khí dầu mỏ hóa lỏng	Thông tư số 20/2019/TT-BKHHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
3.	1.002095	Thủ tục cấp giấy xác nhận chất lượng sản phẩm khí dầu mỏ hóa lỏng sản xuất lần đầu	Thông tư số 20/2019/TT-BKHHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
4.	1.002362	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cơ sở pha chế khí	Thông tư số 20/2019/TT-BKHHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
5.	1.002348	Thủ tục cấp điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cơ sở pha chế khí	Thông tư số 20/2019/TT-BKHHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
6.	1.002285	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cơ sở pha chế khí	Thông tư số 20/2019/TT-BKHHCN	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**A. Thủ tục hành chính cấp trung ương**

**B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh**

**1. Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng**

**a. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Cơ sở sử dụng dấu định lượng nộp bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn đến Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi cơ sở đăng ký trụ sở chính.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính vào ngày làm việc trong tuần (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ nghỉ).

**Bước 2:** Xử lý hồ sơ

- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiếp nhận hồ sơ xem xét, thẩm định theo quy định:

+ Nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đúng quy định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ký xác nhận, đóng dấu tiếp nhận vào bản công bố của cơ sở.

**Bước 3:** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc theo đường bưu điện.

**b. Cách thức thực hiện:**

Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn

- Số lượng hồ sơ: 02 bản<sup>3</sup>

**d. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc.

- Thời hạn bổ sung hồ sơ: 30 ngày kể từ ngày Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường

<sup>3</sup> Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

*Chất lượng gửi thông báo.*<sup>4</sup>

- Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: 05 ngày làm việc.

**d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ sở sản xuất, nhập khẩu hàng đóng gói sẵn nhóm 1 (nếu cơ sở sản xuất, nhập khẩu có nhu cầu công bố dấu định lượng đối với hàng đóng gói sẵn nhóm 1).

- Cơ sở sản xuất, nhập khẩu hàng đóng gói sẵn nhóm 2.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

**g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn

**h. Lệ phí:** Không

**i. Tên mẫu đơn, tờ khai:**

Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn (Mẫu kèm theo).

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ sở đáp ứng các điều kiện sau đây được chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn của hàng đóng gói sẵn

**Đối với cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn**

1. Được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có đủ phương tiện định lượng hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn), phương tiện đo để tự đánh giá sự phù hợp về lượng của hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở thực hiện tự đánh giá sự phù hợp về lượng của hàng đóng gói sẵn); các phương tiện đo được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định;

b) Có mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và điều kiện khác theo yêu cầu quy định.

3. Có đủ nhân viên kỹ thuật thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường quy định.

4. Ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường đối với phương tiện đo, phương tiện định lượng, việc thực hiện phép đo (sau đây viết tắt là biện pháp kiểm soát về đo lường) để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

5. Lưu giữ đầy đủ hồ sơ kết quả kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, hồ sơ đánh giá kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn (do cơ sở tự đánh

<sup>4</sup> Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 21/2014/TT-BKH-CN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

giá hoặc do cơ quan chứng nhận theo quy định được cơ sở thuê thực hiện).<sup>5</sup>

### **Đối với cơ sở nhập khẩu hàng đóng gói sẵn**

1. Phải thể hiện dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn nhóm 2.
2. Ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

#### ***l. Căn cứ pháp lý:***

- Luật Đo lường ngày 11/11/2011;
- Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn.

---

<sup>5</sup> Điều 10 Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ SỬ DỤNG DẤU ĐỊNH LƯỢNG**  
**TRÊN NHÃN HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN**

Số: .....

Tên cơ sở sản xuất, nhập khẩu:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

Địa chỉ văn phòng giao dịch (nếu có): .....

Địa chỉ nơi sản xuất (nếu khác với trụ sở chính) hoặc nơi nhập khẩu: .....

.....

**CÔNG BỐ**

Sử dụng dấu định lượng “V” trên nhãn hàng đóng gói sẵn sau đây:

TT	Tên hàng đóng gói sẵn	Lượng danh định (Q <sub>n</sub> )	Khối lượng bao bì

**Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất**  
**lượng tỉnh ..... đã tiếp nhận bản**  
**công bố. Lần tiếp nhận: .....**

....., ngày ... tháng ... năm ...

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Người đứng đầu cơ sở sản xuất**

**(nhập khẩu)**

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

*Ghi chú: Bản công bố này gồm 02 bản, Cơ sở giữ 01 bản và Chi cục lưu 01 bản.*



## 2. Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng

### a. Trình tự thực hiện:

#### **Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Cơ sở sử dụng dấu định lượng khi có bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung của bản công bố đã được tiếp nhận hoặc trường hợp bản công bố đã được tiếp nhận bị thất lạc, hư hỏng và cơ sở có nhu cầu tiếp nhận lại, cơ sở nộp bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn đến Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi cơ sở đăng ký trụ sở chính.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính vào ngày làm việc trong tuần (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ nghỉ).

#### **Bước 2:** Xử lý hồ sơ

- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiếp nhận hồ sơ xem xét, thẩm định theo quy định:

+ Nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đúng quy định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ký xác nhận, đóng dấu tiếp nhận vào bản công bố của cơ sở.

#### **Bước 3:** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc theo đường bưu điện.

### b. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

### c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.

- Số lượng hồ sơ: 02 bản<sup>6</sup>

### d. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc.

- Thời hạn bổ sung hồ sơ: 30 ngày kể từ ngày Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng gửi thông báo<sup>7</sup>.

<sup>6</sup> Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

<sup>7</sup> Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

- Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: 05 ngày làm việc.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ sở sản xuất, nhập khẩu hàng đóng gói sẵn nhóm 1 (nếu cơ sở sản xuất, nhập khẩu có nhu cầu công bố dấu định lượng đối với hàng đóng gói sẵn nhóm 1).
- Cơ sở sản xuất, nhập khẩu hàng đóng gói sẵn nhóm 2.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

***g. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:*** Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn

***h. Lệ phí:*** Không

***i. Tên mẫu đơn, tờ khai:***

Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn (Mẫu kèm theo).

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Cơ sở đáp ứng các điều kiện sau đây được chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn của hàng đóng gói sẵn:

**Đối với cơ sở sản xuất**

1. Được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây:
  - a) Có đủ phương tiện định lượng hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn), phương tiện đo để tự đánh giá sự phù hợp về lượng của hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở thực hiện tự đánh giá sự phù hợp về lượng của hàng đóng gói sẵn); các phương tiện đo được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định;
  - b) Có mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và điều kiện khác theo yêu cầu quy định.
3. Có đủ nhân viên kỹ thuật thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường quy định.
4. Ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường đối với phương tiện đo, phương tiện định lượng, việc thực hiện phép đo (sau đây viết tắt là biện pháp kiểm soát về đo lường) để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.
5. Lưu giữ đầy đủ hồ sơ kết quả kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, hồ sơ đánh giá kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn (do cơ sở tự đánh giá hoặc do cơ quan chứng nhận theo quy định được cơ sở thuê thực hiện).<sup>8</sup>

---

<sup>8</sup> Điều 10 Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

**Đối với cơ sở nhập khẩu**

1. Phải thể hiện dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn nhóm 2.
2. Ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

***1. căn cứ pháp lý:***

- Luật Đo lường ngày 11/11/2011;
- Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ SỬ DỤNG DẤU ĐỊNH LƯỢNG**  
**TRÊN NHÃN HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN**

Số: .....

Tên cơ sở sản xuất, nhập khẩu: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

Địa chỉ văn phòng giao dịch (nếu có): .....

Địa chỉ nơi sản xuất (nếu khác với trụ sở chính) hoặc nơi nhập khẩu: .....

.....

**CÔNG BỐ**

Sử dụng dấu định lượng “V” trên nhãn hàng đóng gói sẵn sau đây:

TT	Tên hàng đóng gói sẵn	Lượng danh định (Q <sub>n</sub> )	Khối lượng bao bì

**Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh ..... đã tiếp nhận bản công bố. Lần tiếp nhận: .....**

....., ngày ... tháng ... năm ...  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Người đứng đầu cơ sở sản xuất  
(nhập khẩu)**

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

*Ghi chú: Bản công bố này gồm 02 bản, Cơ sở giữ 01 bản và Chi cục lưu 01 bản.*